

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 3 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn từ Cát Tiến - Diêm Vân.**

***Đợt 5: Bồi thường, hỗ trợ của 40 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do mượn tạm đất để phục vụ thi công dự án địa bàn xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước***

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mô mã trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định.*

*Căn cứ Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân;*

*Căn cứ Quyết định số 4980/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án mượn tạm đất để phục vụ thu công dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân;*

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng bồi thường GPMB dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân tại Tờ trình số 504/TTr-BQLGT ngày 21/3/2022 và Biên bản cuộc họp ngày 18/3/2022,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho 40 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do mượn tạm đất để phục vụ thi công dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân thuộc địa bàn xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, với nội dung chính như sau:

**1.** Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 40 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do mượn tạm đất để thi công dự án và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là: **751.688.000 đồng** (Bảy trăm năm mươi một triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn đồng). Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ:	736.949.000 đồng;
+ Bồi thường cây cối hoa màu:	98.080.000 đồng;
+ Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất:	588.477.000 đồng;
+ Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân:	50.392.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):	14.739.000 đồng.

**2. Nguồn vốn chi trả:** Từ nguồn chi phí bồi thường, GPMB của dự án nêu trên.

(Kèm theo Phụ lục và Phương án chi tiết theo Văn bản số 504/TTr-BQLGT ngày 21/3/2022 của Thường trực Hội đồng bồi thường GPMB dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân).

**Điều 2.** Ban QLDA Giao thông tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**

**PHỤ LỤC**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỖ TRỢ MƯỢN TẠM ĐẤT ĐỀ VỰC VỤ THI CÔNG**

**Dự án: Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân**

**Đợt 5: Đất nông nghiệp và cây trồng của 40 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng thuộc địa bàn xã Phước Thắng, huyện Phù Cát**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/ 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Thửa a số	Tổng diện tích thửa đất (m2)	Diện tích bị ảnh hưởng mượn tạm (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Nội dung bồi thường, hỗ trợ			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
								Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất	Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân	
<b>A</b>	<b>Các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng mượn tạm và bị ảnh hưởng thu hồi (40 hộ)</b>										
1	Bùi Thị Đợi - con đại diện kê khai: Nguyễn Văn Toàn	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	15	906	699,7	302,8	396,9	1.926.000	11.553.000	989.000	<b>14.468.000</b>
			22	12	286,4	125,1	161,3				
2	Cao Thị Nhung (chết) - con đại diện kê khai: Nguyễn Văn Bảy	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	15	751	253,2	124,5	128,7	1.400.000	8.397.000	719.000	<b>10.516.000</b>
3	Đình Kim Tâm - Nguyễn Thị Bốn - con dâu đại diện kê khai: Nguyễn Thị Thùy Quang	Thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	27	44	723,8	395,4	328,4	1.779.000	10.676.000	914.000	<b>13.369.000</b>
4	Đình Thị Mai- đại diện kê khai Nguyễn Văn Diện	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	10	98	656,0	224,8	431,2	1.012.000	6.070.000	520.000	<b>7.602.000</b>
5	Nguyễn Thị Ánh - Lê Văn Hòa	Thôn Chánh Hội, xã Cát Chánh	15	729	525,4	260,2	265,2	1.171.000	7.025.000	602.000	<b>8.798.000</b>
6	Nguyễn Văn Hân - Nguyễn Thị Hồng	Thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	15	728	893,1	613,0	280,1	2.759.000	16.551.000	1.417.000	<b>20.727.000</b>
7	Nguyễn Văn Học	Thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	22	784	1.259,4	490,6	768,8	2.208.000	13.246.000	1.134.000	<b>16.588.000</b>
8	Nguyễn Văn Thành - Hồ Thị Hòa - con đại diện kê khai: Nguyễn Anh Khoa	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	22	13	492,3	213,4	278,9	960.000	5.762.000	493.000	<b>7.215.000</b>
9	Phạm Thị Hồng	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	10	28	1.216,6	344,5	872,1	3.075.000	18.449.000	1.580.000	<b>23.104.000</b>
			10	45	1.838,7	338,8	1.499,9				
10	Phạm Thị Khanh	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	10	15	993,4	226,3	767,1	1.018.000	6.110.000	523.000	<b>7.651.000</b>

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Thửa a số	Tổng diện tích thửa đất (m2)	Diện tích bị ảnh hưởng mượn tạm (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Nội dung bồi thường, hỗ trợ			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
								Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất	Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân	
11	Võ Văn Cần - Thân Thị Mỹ Châu	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	15	873	141,9	89,7	52,2	404.000	2.422.000	207.000	<b>3.033.000</b>
12	Dương Văn Thu	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	15	796	532,6	282,5	250,1	1.271.000	7.628.000	653.000	<b>9.552.000</b>
13	Lê Văn Quang (chết) - Đinh Thị Bốn - con đại diện kê khai: Lê Văn Vinh	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	22	11	519,2	228,7	290,5	1.029.000	6.175.000	529.000	<b>7.733.000</b>
14	Lý Thành Tâm	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	15	834	427,1	126,5	300,6	569.000	3.416.000	292.000	<b>4.277.000</b>
15	Lý Thị Mười - con đại diện kê khai: Trần Văn Bình	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	15	730	895,8	280,7	615,1	1.263.000	7.579.000	649.000	<b>9.491.000</b>
16	Nguyễn Thị Thưa	Thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	22	957	160,0	134,8	25,2	607.000	3.640.000	312.000	<b>4.559.000</b>
17	Đinh Thị Ba (chết) - Con đại diện kê khai: Nguyễn Thị Vân	Thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	22	891	627,9	197,0	430,9	887.000	5.319.000	455.000	<b>6.661.000</b>
18	Đoàn Văn Tám	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	10	73	1.549,4	296,4	1.253,0	2.518.000	15.107.000	1.294.000	<b>18.919.000</b>
			10	104	885,7	263,1	622,6				
19	Lê Thị Xuân Hương - con đại diện kê khai: Phan Minh Vương	Thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	22	294	277,8	163,8	114,0	2.725.000	16.349.000	1.400.000	<b>20.474.000</b>
			22	441	1.630,7	441,7	1.189,0				
20	Lê Văn Quang (chết) - Đinh Thị Bốn - con đại diện kê khai: Lê Văn Vinh	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	15	872	224,2	136,5	87,7	614.000	3.686.000	316.000	<b>4.616.000</b>
21	Mai Ngọc Ân (chết) - con đại diện kê khai: Mai Thanh Thảo	Thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	22	485	1.534,3	103,2	1.431,1	464.000	2.786.000	239.000	<b>3.489.000</b>
22	Mai Ngọc Anh - chị đại diện kê khai: Mai Thị Hoa Sen	Thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	27	39	2.041,0	1.662,0	379,0	7.479.000	44.874.000	3.843.000	<b>56.196.000</b>
23	Nguyễn Ngọc Hoàng - Đặng Thị Thu Lan - em đại diện kê khai: Dương Thị Kim Lan	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	15	921	427,6	23,8	403,8	107.000	643.000	55.000	<b>805.000</b>
24	Nguyễn Thị Bích Hoa	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	10	42	2.043,3	549,1	1.494,2	2.951.000	17.704.000	1.516.000	<b>22.171.000</b>
			10	52	350,0	106,6	243,4				
25	Nguyễn Thị Hoa	Thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	22	364	1.530,0	657,1	872,9	4.411.000	26.468.000	2.266.000	<b>33.145.000</b>
			22	374	720,8	323,2	397,6				

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Thửa a số	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích bị ảnh hưởng mượn tạm (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Nội dung bồi thường, hỗ trợ			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
								Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất	Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân	
26	Nguyễn Văn Đồn	Thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	22	890	846,8	271,3	575,5	2.235.000	13.411.000	1.148.000	<b>16.794.000</b>
			27	5	695,8	225,4	470,4				
27	Trần Chính - con đại diện kê khai: Trần Tường Hải	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	10	83	1.078,6	332,9	745,7	1.498.000	8.988.000	770.000	<b>11.256.000</b>
28	Trần Kiên (chết) - Nguyễn Thị Hồng Hoa	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	10	41	2.600,9	1.230,7	1.370,2	5.538.000	33.229.000	2.845.000	<b>41.612.000</b>
29	Trần Minh Quang	Thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	22	395	2.302,2	1.013,7	1.288,5	4.562.000	27.370.000	2.344.000	<b>34.276.000</b>
30	Trần Thị Mai - cháu đại diện kê khai: Nguyễn Vinh Ba	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	15	718	1.200,5	374,2	826,3	1.684.000	10.103.000	865.000	<b>12.652.000</b>
31	Trần Thị Xuân - cháu đại diện kê khai: Ngô Thị Huệ	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	10	71	1.158,2	274,1	884,1	4.877.000	29.263.000	2.506.000	<b>36.646.000</b>
32	Võ Văn Chín	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	22	71	240,0	147,6	92,4	2.186.000	13.114.000	1.123.000	<b>16.423.000</b>
			22	210	992,8	261,3	731,5				
			22	912	241,0	76,8	164,2				
33	Võ Xuân Hùng	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	10	82	3.573,1	1.248,0	2.325,1	5.616.000	33.696.000	2.885.000	<b>42.197.000</b>
34	Nguyễn Văn Bảy - vợ Đinh Thị Thu	Thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	22	768	902,3	440,9	461,4	4.180.000	25.080.000	2.148.000	<b>31.408.000</b>
			22	846	841,1	488,0	353,1				
35	Đoàn Thị Mười - con đại diện kê khai: Nguyễn Văn Sinh	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	15	752	585,5	161,4	424,1	3.911.000	23.468.000	2.010.000	<b>29.389.000</b>
			15	774	1.055,0	350,8	704,2				
			15	835	1.020,7	357,0	663,7				
36	Mai Thị Xuân - con đại diện kê khai: Trương Văn Bảy	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	10	84	2.318,6	491,2	1.827,4	2.210.000	13.262.000	1.136.000	<b>16.608.000</b>
37	Nguyễn Văn Ngọc	Thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	22	310	1.864,3	287,5	1.576,8	3.091.000	18.546.000	1.588.000	<b>23.225.000</b>
			22	410	927,8	399,4	528,4				
38	Nguyễn Văn Sáu - Thái Thị Hương	Thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	27	40	2.070,6	49,2	2.021,4	221.000	1.328.000	114.000	<b>1.663.000</b>

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Thửa a số	Tổng diện tích thửa đất (m2)	Diện tích bị ảnh hưởng mượn tạm (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Nội dung bồi thường, hỗ trợ			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
								Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất	Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân	
39	Trần Ngọc Lan (chết) - con dâu đại diện kê khai: Dương Thị Kim Phụng	Thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	22	354	769,7	495,8	273,9	5.874.000	35.243.000	3.018.000	<b>44.135.000</b>
			22	384	1.869,6	809,5	1.060,1				
40	Nguyễn Thị Bông - con đại diện kê khai: Trần Kim Anh	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	10	119	1.497,4	624,1	873,3	5.790.000	34.741.000	2.975.000	<b>43.506.000</b>
			10	72	662,6	662,6	0,0				
<b>I</b>	<b>Tổng cộng chi phí bồi thường, hỗ trợ (1 + 2 + .... + 40)</b>				<b>57.672,4</b>	<b>20.799,2</b>	<b>36.873,2</b>	<b>98.080.000</b>	<b>588.477.000</b>	<b>50.392.000</b>	<b>736.949.000</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí phục vụ công tác GPMB (I x 2%)</b>										<b>14.739.000</b>
<b>III</b>	<b>Tổng cộng (I+II)</b>										<b>751.688.000</b>